

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-ST
Ngày 16-4-2018
V/v Tranh chấp đòi tiền công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Minh.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2017/TLST-DS ngày 11/10/2017 về việc “*Tranh chấp đòi tiền công*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-DS ngày 09/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2018/QĐST-DS ngày 28/3/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt Kh, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Việt K.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Anh Kh có mặt tại phiên tòa. Đối với anh K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào khoảng năm 2014 anh K có thuê anh Kh làm công việc nuôi cá mỗi tháng là 3.000.000 đồng, thời hạn nuôi là 03 tháng. Sau khi anh Kh thực hiện xong công việc thì anh K chỉ trả tiền công cho anh Kh 1.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng không trả. Sau đó anh Kh có yêu cầu đến Ban nhân dân ấp Ô, xã L để giải quyết, sự việc được hòa giải thành vào ngày 03/9/2017, nhưng cho đến nay anh K vẫn không

thực hiện việc trả tiền công cho anh Kh theo như cam kết.

Nay anh Kh yêu cầu anh K trả số tiền 8.000.000 đồng.

- **Đối với bị đơn Nguyễn Việt K:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng anh K đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Riêng tại biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 03/9/2017 tại trụ sở ấp Ô, xã L có ghi nhận ý kiến của anh K, như sau: Anh K thừa nhận có mượn anh Kh nuôi cá trong thời hạn 03 tháng, nhưng do làm ăn thua lỗ nên còn nợ lại anh Kh số tiền công là 8.000.000 đồng.

- **Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện T phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị bị đơn xâm hại, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại **Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập anh K hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng anh K đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ **Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**, tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] *Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền công nuôi cá chưa thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp đòi tiền công” theo quy định tại **khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.

[4] *Về thẩm quyền tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp giữa các đương sự là việc “tranh chấp đòi tiền công”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.

[5] *Về pháp luật áp dụng*: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước ngày 01/01/2017 và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp với **Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015**.

[6] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Giữa các đương sự có tranh chấp với nhau về tiền công nuôi cá với số tiền 8.000.000 đồng. Anh K xác định hiện nay anh K còn nợ anh Kh tiền công là 8.000.000 đồng chưa thanh toán. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 03/9/2017 tại trụ sở ấp Ô, xã L (bút lục số 02 có tại hồ sơ) thể hiện anh K có mượn anh Kh nuôi cá trong thời hạn 03 tháng, nhưng do làm ăn thua lỗ nên còn nợ lại anh Kh số tiền công là 8.000.000 đồng, vì vậy có căn cứ xác định giữa anh K và anh Kh có giao dịch dân sự với nhau về việc nuôi cá (anh K là bên thuê, anh Kh là bên làm thuê) và hiện nay anh K chưa thanh toán số tiền làm công cho anh Kh là có thật, do đó anh K phải có nghĩa vụ trả cho anh Kh số tiền công là 8.000.000 đồng là đúng và phù hợp theo quy định tại các **Điều 121, Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005**.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kh và buộc anh K trả cho anh Kh số tiền 8.000.000 đồng.

[7] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 121, Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Việt Kh. Buộc bị đơn Nguyễn Việt K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Nguyễn Việt Kh số tiền **8.000.000** đồng (*tám triệu đồng*).

Kể từ ngày anh Kh có đơn yêu cầu thi hành án mà anh K chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng anh K còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Anh K phải nộp là 400.000 đồng. Anh Kh đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007779 ngày 30/01/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung